

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-5-2021  
Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh phương

Ông Hoài Đức Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Văn Hoàng Yên- kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 574/2020TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2021/QĐST-NHGD ngày 13 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 399/2021/HNGĐ-QĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa :

**- Nguyên đơn:** Chị Lưu Thị Kim C, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Bảo T, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp V, xã V1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: ấp 3, xã L2, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2020 các lời khai tiếp theo và tại Tòa nguyên đơn chị Lưu Thị Kim C trình bày:**

chị C và anh Nguyễn Bảo T yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/9/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được

khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T cờ bạc, gia trưởng, bảo thủ, nhiều lần xúc phạm chị. Mọi vấn đề chi tiêu, tài chính trong nhà anh T đều quản lý, không cho chị quyền quyết định. Từ năm 2015 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không có bàn bạc đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo V2, sinh ngày 31/10/2014. Từ lúc ly thân cho đến nay, cháu V2 sống cùng với chị C. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân và sống cùng nhà với cha mẹ ruột nên chị có đủ các điều kiện để cho cháu V2 có cuộc sống ổn định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Bảo T đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lưu Thị Kim C.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo V2, sinh ngày 31/10/2014 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lưu Thị Kim C khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Bảo T; hiện anh T đang tạm trú và sinh sống tại ấp 3, xã L2, huyện N, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lưu Thị Kim C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Bảo T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị C, anh T.

[2] Về hôn nhân: chị C và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai, do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị C nộp đơn xin ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời anh T tham gia phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng phía bị đơn không đến tham gia phiên hòa giải, từ đó cho thấy anh T không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác theo lời khai của chị C thì vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay không có bàn bạc đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên việc chị C xin ly hôn là chính đáng và có cơ sở chấp nhận. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị C được ly hôn với anh Nguyễn Bảo T.

[3] Về con chung: chị C và anh T chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo V2, sinh ngày 31/10/2014. Sau ly hôn, chị C có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu V2 nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Quyết phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28, 35, 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### *Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lưu Thị Kim C. Xử cho chị C được ly hôn anh Nguyễn Bảo T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo V2, sinh ngày 31/10/2014 cho chị C nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con.

anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

4. Về án phí: chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000839 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. chị C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Hữu Tài**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoài Đức Huệ - Trần Thanh Phương**

**Nguyễn Hữu Tài**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**Nguyễn Hữu Tài**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoài Đức Huệ - Trần Thanh Phương**

**Nguyễn Hữu Tài**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hữu Tài**